

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 583/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1981.

Địa chỉ thường trú: ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đ.

Và bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1983.

Địa chỉ thường trú: phường X, Quận Y, Thành phố Z.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2 nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Biên bản hòa giải thành tại Trung tâm Hòa giải - Đối thoại ngày 11/12/2018 và Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân Quận 2 nhận thấy:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 102/2003, Quyền số 01 ngày 15/10/2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cát Lái,

Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Đức K và bà Nguyễn Ngọc H là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống vợ chồng ông K và bà H không thể hòa hợp, mâu thuẫn về mọi mặt nên hai bên không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Ông K và bà H đều cảm thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn để ổn định cuộc sống, chăm lo cho các con.

Xét mâu thuẫn giữa ông K và bà H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của cả hai là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Ông Nguyễn Đức K và bà Nguyễn Ngọc H xác nhận có 03 con chung tên là Nguyễn Ngọc Thùy D, sinh ngày 16/11/2004; Nguyễn Ngọc An T, sinh ngày 13/6/2009 và Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày 09/9/2014. Hai bên thống nhất giao 03 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét sự thỏa thuận trên của ông K và bà H không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận sự thỏa thuận trên.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Đức K tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1983.

Quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Đức K và bà Nguyễn Ngọc H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 102/2003, Quyền số 01 ngày 15/10/2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông Nguyễn Đức K và bà Nguyễn Ngọc H xác nhận có 03 con chung tên là Nguyễn Ngọc Thùy D, sinh ngày 16/11/2004; Nguyễn Ngọc An T, sinh ngày 13/6/2009 và Nguyễn Ngọc An N, sinh ngày 09/9/2014. Hai bên thống nhất giao 03 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo

dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông K được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Hai bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Đức K và bà Nguyễn Ngọc H cùng xác nhận không có.

2. Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Đức K tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0015842 ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Ông K đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát NH dân quận 2.
- UBND phường X, Quận Y, Thành phố Z.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Tạ Nam Phương